

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **46/2020/DS-ST**

Ngày: 30-9-2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Trần Văn Phơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/8/2020, ngày 08/9/2020 và ngày 29/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số A, ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L: Bà **Trương Thị Mỹ L1**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số B, đường D, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà **Lâm Ánh Ph**; sinh năm 19xx, địa chỉ: Số E, đường V, khóm P, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Hẻm F, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Ông **Lê Hùng A**; sinh năm 19xx; địa chỉ: Số E, đường V, khóm P, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Hẻm F, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng A là bà **Lâm Ánh Ph**; sinh năm 19xx; địa chỉ: Số E, đường V, khóm P, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Hẻm F, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đề ngày 08/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L1 trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Kim L có cho vợ chồng bà Ph, ông Hùng A mượn tiền nhiều lần, đến tháng 10/2018 hai bên tổng kết số tiền là 409.000.000 đồng, bà L nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Ph, ông Hùng A trả nhưng vợ chồng ông, bà cứ hẹn lần lượt.

Ngày 10/02/2019 bà Ph làm biên nhận nợ. Theo biên nhận bà Ph hứa trả lãi cho bà L 05 tháng (từ tháng 02/2019 đến tháng 07/2019). Về lãi suất thì không có ghi trong biên nhận mà giữa bà L và bà Ph thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng; Đến tháng 8/2019 thì trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng trả dần cho đến hết nợ. Từ khi viết biên nhận đến nay vợ chồng bà Ph không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Buộc vợ chồng bà Ph, ông Hùng A trả số tiền vốn 409.000.000 đồng.

Buộc vợ chồng bà Ph, ông Hùng A trả số tiền lãi trên số tiền vốn 409.000.000 đồng, theo lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng), từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Trương Thị Mỹ L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi. Cụ thể chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/02/2019 đến ngày 29/9/2020 với số tiền lãi là 133.298.553 đồng.

*** Bà Lâm Ánh Ph là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng A trình bày:**

Tại phiên hòa giải ngày 16/10/2019, bà Ph thừa nhận, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có cho bà Ph vay tiền nhiều lần, đến tháng 10/2018 hai bên tổng kết số tiền là 409.000.000 đồng. Bà Ph thừa nhận tính đến ngày 16/10/2019 bà Ph còn nợ bà L số tiền vốn 409.000.000 đồng và số tiền lãi 54.315.200 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 463.315.200 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Ph yêu cầu bà L giảm 50% số tiền lãi (cụ thể giảm số tiền lãi còn lại là

27.157.600 đồng). Bà Ph đồng ý trả số tiền vốn là 409.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 27.157.600 đồng, tổng cộng vốn và lãi bà Ph đồng ý trả cho bà L là 436.157.600 đồng. Chồng bà Ph là ông A không liên quan gì đến vụ nợ này nên bà Ph sẽ đứng ra trả một mình.

Tại phiên Tòa bà Ph trình bày bà Ph bắt đầu vay tiền của bà L từ năm 2016, nhưng vay chỉ có 39.000.000 đồng, mục đích bà Ph vay tiền của bà L về để bà Ph cho vay lại.

Ngày 10/02/2019 bà Ph làm biên nhận nợ. Theo biên nhận bà Ph hứa trả lãi cho bà L 05 tháng (từ tháng 02/2019 đến tháng 07/2019). Về lãi suất thì không có ghi trong biên nhận mà giữa bà L và bà Ph thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng; Đến tháng 8/2019 thì trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng trả dần cho đến hết nợ. Bà Ph thừa nhận biên nhận này là chữ viết và chữ ký của bà Ph, nhưng lý do bà Ph viết biên nhận này là bà L nhờ bà Ph viết như vậy vì bà L có làm ăn bên ngoài nên nhờ bà Ph viết biên nhận nợ này để cho bên kia tin tưởng bà L. Trong quá trình vay bà Ph cũng có đóng lãi cho bà L nhưng đóng được số tiền bao nhiêu thì bà Ph không nhớ (thường thì ra ngân hàng chuyển khoản nhưng cũng không nhớ ngân hàng nào), bà Ph yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để bà Ph cung cấp tài liệu, chứng cứ việc bà Ph trả lãi cho bà L. Tuy nhiên đến nay bà Ph không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Qua yêu cầu của bà L, bà Ph chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 39.000.000 đồng. Tiền lãi bà Ph đồng ý trả từ ngày 10/02/2019 đến ngày 29/9/2020, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính trên số tiền vốn 39.000.000 đồng. Bà Ph khẳng định lại bà Ph vay tiền để phục vụ chi tiêu cá nhân bà Ph, không liên quan gì đến chồng bà Ph nên bà Ph sẽ đứng ra trả một mình.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phạm vi khởi kiện: Tại phiên tòa bà Trương Thị Mỹ L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu không vượt quá phạm vi

yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn bà Lâm Ánh Ph đều thừa nhận khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn vay của nguyên đơn. Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Xét về số tiền vốn vay:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ph thừa nhận “*Biên nhận ngày 10/02/2019 thể hiện nội dung Tôi tên Lâm Ánh Ph, sinh năm 19xx. Nay tôi làm biên nhận này có mượn của cô Nguyễn Thị Kim L số tiền 409.000.000 đồng*”. Thời gian 05 tháng từ 2 – 7/2019 tôi đóng lãi. Đến tháng 8/2019 tôi trả 01 tháng 10 triệu, trả dần cho đến hết. Nếu tôi không thực hiện tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm” là chữ viết và chữ ký của bà Ph, khi ghi biên nhận ngày 10/02/2019 bà Ph hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Như vậy, trên thực tế giữa bà L và bà Ph có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, bà Ph đã nhận tiền vay của bà L số tiền 409.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả được số tiền vốn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay bà Ph còn nợ bà L là 409.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 16/10/2019, bà Ph thừa nhận, bà L có cho bà Ph vay tiền nhiều lần, đến tháng 10/2018 hai bên tổng kết số tiền là 409.000.000 đồng. Bà Ph thừa nhận tính đến ngày 16/10/2019 bà Ph còn nợ bà L số tiền vốn 409.000.000 đồng và số tiền lãi 54.315.200 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 463.315.200 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Ph yêu cầu bà L giảm 50% số tiền lãi (cụ thể giảm số tiền lãi còn lại là 27.157.600 đồng). Bà Ph đồng ý trả số tiền vốn là 409.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 27.157.600 đồng, tổng cộng vốn và lãi bà Ph đồng ý trả cho bà L là 436.157.600 đồng.

Tại phiên tòa bà Ph khẳng định lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 16/10/2019 là đúng vì bà Ph đã ký thì bà Ph phải chịu. Lý do bà Ph không ký vào biên bản hòa giải ngày 16/10/2019 là do bà L1 không đồng ý giảm lãi và bà L1 buộc ông Hùng A phải trả số nợ cùng bà Ph, nợ này là nợ riêng của bà Ph. Bà Ph yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét 02 vấn đề:

Thứ nhất, bà Ph chỉ vay số tiền 39.000.000 đồng. Bà Ph có viết “*Biên nhận ngày 10/02/2019 thể hiện nội dung Tôi tên Lâm Ánh Ph, sinh năm 19xx. Nay tôi làm biên nhận này có mượn của cô Nguyễn Thị Kim L số tiền 409.000.000 đồng*” nhưng thực tế là bà L nhờ bà Ph viết như vậy vì bà L có làm ăn bên ngoài nên nhờ

bà Ph viết biên nhận nợ này để cho bên kia tin tưởng bà L, chứ thật sự bà Ph vay của bà L số tiền vốn chỉ có 39.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để triệu tập bà L đối chất tại phiên tòa và tổng đạt trực tiếp cho bà L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà L nhận thay và cam kết giao lại tận tay cho bà L, tại phiên tòa bà L1 trình bày là có báo lại cho bà L biết việc tòa án triệu tập bà L để tham gia đối chất nhưng bà L cho rằng đã ủy quyền cho bà L1 toàn quyền quyết định nên bà L không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án, bà Ph chỉ muốn gặp trực tiếp đối chất với bà L chứ không muốn làm việc với bà L1. Ngoài ra bà Ph không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chỉ vay có 39.000.000 đồng và cũng không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh được là bà Ph viết biên nhận giùm bà L.

Thứ hai, bà Ph yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần lãi mà bà Ph đã đóng cho bà L nhưng bà Ph không nhớ đóng lãi được bao nhiêu, bà Ph yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để bà Ph cung cấp tài liệu, chứng cứ bà Ph đóng lãi cho bà L nhưng đến nay bà Ph vẫn không cung cấp được.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” nên không đủ cơ sở xác định bà Ph đã đóng lãi cho bà L số tiền là bao nhiêu và cũng không đủ cơ sở xác định bà Ph viết biên nhận giùm cho bà L. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét hai yêu cầu của bà Ph.

[4] Xét yêu cầu của bà L về việc buộc bà Lâm Ánh Ph và ông Lê Hùng A cùng trả cho bà L số tiền vốn và lãi vay 542.298.553 đồng, thấy rằng:

Tại phiên tòa bà L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữa bà L với vợ chồng bà Ph, ông Hùng A là chỗ quen biết. Bà L đã cho bà Ph vay tiền nhiều lần có ông Hùng A biết. Tuy nhiên phía nguyên đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Hùng A vay tiền hoặc biết được bà Ph vay số tiền này từ bà L. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”.

Ngược lại, bà Ph cho rằng đây là nợ riêng của bà Ph, ông Hùng A không hề biết việc bà Ph vay tiền, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là ông Hùng A cùng bà Ph vay tiền của nguyên đơn. Những lời bà L1 trình bày tại phiên Tòa không phải là chứng cứ để nguyên đơn chứng minh là ông Hùng A có biết việc bà Ph vay tiền và cũng không có quy định nào là cứ vay trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận ông Hùng A không có trực tiếp tham gia ký hợp đồng vay tiền. Nguyên đơn cho rằng ông Hùng A biết việc vay tiền nên yêu cầu ông Hùng A cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng nguyên đơn không chứng minh được việc ông Hùng A có vay tiền. Một bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch mà vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới chỉ trong trường hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 27 dẫn chiếu đến các Điều 24,25,26 và 37, đó là:

“Điều 24: Là trường hợp bên giao dịch đã là đại diện hợp pháp của bên kia (theo ủy quyền hoặc theo pháp luật);

Điều 25: Là trường hợp kinh doanh chung;

Điều 26: Là trường hợp người thứ ba ngay tình được bảo vệ;

Điều 37: Là trường hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”

Như vậy, hợp đồng vay tiền này nguyên đơn không chứng minh được bà Ph, ông Hùng A cùng vay tiền và cũng không thuộc các trường hợp như đã dẫn chiếu theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L yêu cầu ông Lê Hùng A có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền vay là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Lâm Ánh Ph có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vốn là 409.000.000 đồng, tiền lãi là 133.298.553 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông Lê Hùng A có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền vốn là 409.000.000 đồng, tiền lãi là 133.298.553 đồng.

[5] Xét về số tiền lãi:

Bà L yêu cầu bà Ph trả lãi với lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền vốn 409.000.000 đồng, (từ ngày 10/02/2019 đến ngày 29/9/2020) với số tiền lãi tính tròn là 133.298.553 đồng. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng các bên giao dịch vay tiền vào ngày 10/02/2019. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ” tại khoản 1 Điều này quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn vay và lãi bà Ph phải trả cho bà L là 542.298.553 đồng.

Từ những phân tích, nhận định ở phần trên buộc bị đơn Lâm Ánh Ph phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vốn, lãi vay tổng cộng là 542.298.553 đồng. Trong đó (tiền vốn là 409.000.000 đồng, tiền lãi là 133.298.553 đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 24, 25, 26, 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L: Buộc bị đơn bà Lâm Ánh Ph phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vốn và lãi vay là 542.298.553 đồng. Trong đó (tiền vốn là 409.000.000 đồng, tiền lãi là 133.298.553 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Lê Hùng A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vốn và lãi vay là 542.298.553 đồng. Trong đó (tiền vốn là 409.000.000 đồng, tiền lãi là 133.298.553 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Ánh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 25.691.942 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí là 11.424.723 đồng theo biên lai thu số 0007520 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lâm Ánh Ph còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Kim L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan